

**BẢN CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NẤU ĂN**

|     |                                            |            |          |          |             |                   |
|-----|--------------------------------------------|------------|----------|----------|-------------|-------------------|
| 1.  | Tổng số học sinh của trường                | 415        | Học sinh |          |             |                   |
| 2.  | Số học sinh cắt cơm                        |            | Học sinh |          |             |                   |
| 3.  | Số học sinh ăn sáng:                       | 415        | Học sinh | Tiền ăn: | 8.000 đồng  | = 3.320.000 đồng  |
| 5.  | Số học sinh ăn trưa:                       | 415        | Học sinh | Tiền ăn: | 26.000 đồng | = 10.790.000 đồng |
| 6.  | Số học sinh ăn tối:                        | 415        | Học sinh | Tiền ăn: | 26.000 đồng | = 10.790.000 đồng |
| 8.  | Tiền thu:                                  | 24.900.000 | đồng     | 60.000   |             |                   |
| 9.  | Tiền chi lương thực, thực phẩm trong ngày: | 24.900.000 | đồng     |          |             |                   |
| 10. | Tiền thiếu:                                |            |          | 0        | đồng        |                   |

**Đơn vị thực hiện :**

| STT | Nội dung     | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Ghi chú |
|-----|--------------|-------------|----------|---------|------------|---------|
| 1   | Gạo          | Kg          | 124,5    | 0       | 0          |         |
| 2   | Dầu ăn       | Lít         | 20,0     | 50.000  | 1.000.000  |         |
| 3   | Nước mắm     | Lít         | 5,0      | 20.000  | 100.000    |         |
| 4   | Mỳ chính     | Kg          | 4,0      | 60.000  | 240.000    |         |
| 5   | Bột canh     | Kg          | 5,0      | 25.000  | 125.000    |         |
| 6   | Muối trắng   | Kg          |          | 8.000   | -          |         |
| 7   | Nước rửa bát | Lít         | 10,0     | 12.000  | 120.000    |         |

|    |                                    |     |       |         |                   |  |
|----|------------------------------------|-----|-------|---------|-------------------|--|
| 8  | Nước lau nhà                       | Lít | 10,0  | 21.500  | 215.000           |  |
| 9  | Gas đun bếp                        | Kg  | 30,0  | 40.000  | 1.200.000         |  |
| 10 | Bánh Bao ngọt                      | Cái | 415,0 | 6.000   | 2.490.000         |  |
| 11 | Bánh Bao mặn                       | Cái | 415,0 | 7.000   | 2.905.000         |  |
| 12 | Thịt lợn rang                      | Kg  | 53,0  | 130.000 | 6.890.000         |  |
| 13 | Đậu phụ chiên                      | Kg  | 52,0  | 25.000  | 1.300.000         |  |
| 14 | Bắp Cải(canh)                      | Kg  | 25,0  | 13.000  | 325.000           |  |
| 15 | Củ đậu                             | Kg  | 29,5  | 20.000  | 590.000           |  |
| 16 | Thịt xay (làm nem + xào khoai tây) | Kg  | 28,0  | 130.000 | 3.640.000         |  |
| 17 | Mộc nhĩ                            | Kg  | 1,0   | 120.000 | 120.000           |  |
| 18 | Miến                               | Kg  | 6,0   | 65.000  | 390.000           |  |
| 19 | Cà rốt                             | Kg  | 5,0   | 20.000  | 100.000           |  |
| 20 | Rau mùi                            | Kg  | 4,0   | 50.000  | 200.000           |  |
| 21 | Lá nem                             | Tệp | 75,0  | 5.000   | 375.000           |  |
| 22 | Trứng gà (làm nem)                 | Quả | 100,0 | 3.500   | 350.000           |  |
| 23 | Giá đỗ                             | Kg  | 9,0   | 22.000  | 198.000           |  |
| 24 | Khoai tây xào thịt băm             | Quả | 50,1  | 20.000  | 1.002.000         |  |
| 25 | Rau cải ngọt (canh)                | Kg  | 25,0  | 15.000  | 375.000           |  |
| 26 | Dưa hấu                            | Kg  | 28,0  | 20.000  | 560.000           |  |
| 27 | Hành lá                            | Kg  | 2,0   | 45.000  | 90.000            |  |
|    |                                    |     |       |         | <b>24.900.000</b> |  |

BỘ PHẬN NHÀ BẾP

*Hương*

Lò Thị Hương

THANH TRA NHÂN DÂN

*HB*

Hoàng Thái Bình

KIỂM NHIỆM KẾ TOÁN CÔNG TY

*Nghe*

Vũ Thị Nghĩa

KẾ TOÁN

*Ngoc*

Đặng Ánh Ngọc



